

## NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

## MÔ HÌNH CẤU TẠO THUẬT NGỮ LUẬT HÌNH SỰ TIẾNG ANH (TRÊN TƯ LIỆU TỪ ĐIỂN PHÁP LUẬT ANH-VIỆT) TRẦN THUY DUNG\*

**TÓM TẮT:** Bài viết tập trung nghiên cứu các mô hình cấu tạo của thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh được thu thập từ một số từ điển Pháp luật Anh-Việt. Kết quả nghiên cứu của bài viết sẽ giúp người đọc hiểu sâu hơn về đặc điểm mô hình cấu tạo của thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là từ và ngữ và góp phần quan trọng trong việc nghiên cứu thuật ngữ; đặc biệt phục vụ việc đánh giá chuyển dịch thuật ngữ từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

**TỪ KHOA:** thuật ngữ; mô hình cấu tạo; luật hình sự; yếu tố; từ điển.

**NHẬN BÀI:** 17/8/2022.

**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 17/11/2022

### 1. Đặt vấn đề

Cùng với xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa hiện nay, Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập với khu vực và quốc tế ngày càng sâu và rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống như kinh tế, văn hóa, chính trị, quân sự. Quá trình hội nhập cũng tạo cơ hội cho các nhà nghiên cứu tiếp cận với các tài liệu về lĩnh vực luật pháp nói chung và lĩnh vực pháp luật hình sự nói riêng. Điều này đòi hỏi vấn đề tiếp nhận và sử dụng các thuật ngữ tiếng nước ngoài, phổ biến là tiếng Anh, cần phải linh hoạt và chính xác để đảm bảo những đặc tính của văn bản pháp luật. Hà Quang Năng (2012) cho rằng “*xây dựng thuật ngữ khoa học là công việc có tầm quan trọng đặc biệt trong công cuộc phát triển khoa học và kỹ thuật của đất nước, có tác dụng to lớn đến sự phát triển nền giáo dục của quốc gia*” [tr.7]. Thực tế, việc nghiên cứu mô hình cấu tạo của hệ thuật ngữ có ý nghĩa quan trọng trong công tác nghiên cứu, xây dựng cũng như chuẩn hóa hệ thuật ngữ.

Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi nghiên cứu sâu về các mô hình cấu tạo của thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh. Để việc thu thập và xử lý số liệu được chính xác và khoa học, việc xác lập các tiêu chí nhận diện thuật ngữ là việc làm cần thiết. Qua nghiên cứu tài liệu, chúng tôi xác định thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh được nhận diện trên các tiêu chí về hình thức, nội dung và phạm vi sử dụng.

Về hình thức: thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là các từ, ngữ có chứa các yếu tố cấu thành thuật ngữ. Yếu tố thuật ngữ của các thuật ngữ là từ được xác định là các hình vị; yếu tố thuật ngữ của các thuật ngữ là ngữ được xác định là các từ, cụm từ.

Về nội dung: thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là các từ, ngữ biểu thị các khái niệm về những tư tưởng pháp lý chỉ đạo, có tính chất xuất phát điểm chi phối toàn bộ quá trình xây dựng, hoàn thiện và áp dụng các quy định của Luật hình sự và đấu tranh phòng chống tội phạm; các trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; mức độ nguyên nhân kiểm soát về hành vi phạm tội trong cá nhân và xã hội; các biện pháp cưỡng chế nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội.

Về phạm vi sử dụng: thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là những thuật ngữ được sử dụng trong lĩnh vực luật hình sự. Dựa trên các tiêu chí nhận diện nêu trên, chúng tôi thống kê được 1.756 thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh từ ngữ liệu nghiên cứu đã trình bày ở trên. Sau khi nghiên cứu cứ liệu, chúng tôi đã thu thập được 1.756 thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh trong 02 cuốn *Từ điển Pháp luật Anh - Việt* có tại Việt Nam của Vũ Trọng Hùng và cộng sự (2000) và Nguyễn Thế Kỳ & cộng sự (1992). Các thuật ngữ thu được đã được đối chiếu với các thuật ngữ luật hình sự trong cuốn *A Dictionary of Criminal law terms (Từ điển thuật ngữ luật hình sự)* của Garner A. B. (2000). Chính vì thế số lượng thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh thu được là đáng tin cậy.

Việc xác định đơn vị cấu tạo là công việc quan trọng đầu tiên vì nó là cơ sở cho quá trình phân tích đặc điểm cấu tạo sau này. Các nhà nghiên cứu về thuật ngữ trong và ngoài nước có quan niệm khác nhau về các yếu tố thuật ngữ với nhiều tên gọi khác nhau (ngữ tố, thuật tố, v.v.). Mặc dù tên gọi khác nhau nhưng chúng giống nhau về bản chất đó là yếu tố cấu tạo thuật ngữ. Xét về mặt ngôn ngữ

\* Học viện Cảnh sát nhân dân; Email: tranthuydungppa@gmail.com

học, thuật ngữ là từ hay cụm từ của một ngôn ngữ tự nhiên nào đó. Việc phân tích cấu tạo của thuật ngữ chính là việc miêu tả cấu trúc ngôn ngữ của thuật ngữ từ góc độ ngôn ngữ học. Các tài liệu nghiên cứu về thuật ngữ ở trong nước và ở nước ngoài cho thấy có hai quan niệm khác nhau về yếu tố cấu tạo thuật ngữ. Nghiên cứu cấu tạo của thuật ngữ, các nhà khoa học Nga cho rằng khi phân tích thành phần cấu tạo của thuật ngữ cần xem xét đến yếu tố cơ sở để cấu tạo thuật ngữ. Các thành phần được chia tách ra trong cấu trúc của một thuật ngữ được gọi là yếu tố cấu tạo thuật ngữ. Mỗi yếu tố thuật ngữ tương ứng với khái niệm hay đặc trưng của khái niệm trong lĩnh vực chuyên môn nào đó. Khái niệm yếu tố thuật ngữ được Lotte D.S nêu ra lần đầu tiên trong công trình *Nguyên lý xây dựng thuật ngữ khoa học - kỹ thuật: Những vấn đề lý thuyết và phương pháp* (1978): “Yếu tố thuật ngữ là bộ phận cấu thành nhỏ nhất của thuật ngữ biểu thị một cách rõ ràng ý nghĩa của thuật ngữ” [tr.27]. Khái niệm sau đó được Danilenko V.P. và Kandejaki hoàn thiện. Theo đó, yếu tố thuật ngữ được hiểu là “hình vị trong thuật ngữ là một từ đơn, là từ hoàn chỉnh trong thuật ngữ không phải từ đơn. Thuật ngữ có thể gồm một hay một số yếu tố thuật ngữ, mỗi yếu tố thuật ngữ tương ứng với một khái niệm hay với một đặc trưng của khái niệm trong lĩnh vực chuyên môn nào đó” [Leitchik, 2009, tr.179]. Quan niệm yếu tố thuật ngữ trên dẫn đến khái niệm độ dài tối ưu của thuật ngữ, được trình bày theo công thức:  $n+1$ , ở đó  $n$  là số lượng các tiêu chí khu biệt của khái niệm chuyên ngành tương ứng do thuật ngữ phản ánh.

Để phân tích cấu trúc và tổ chức của hệ thống luật hình sự tiếng Anh, chúng tôi sử dụng đơn vị cơ sở để cấu tạo thuật ngữ đó là *yếu tố*. Yếu tố thuật ngữ chính là một đơn vị thuật ngữ có cấu trúc nhỏ nhất tham gia vào việc cấu tạo thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh. Chúng có thể là hình vị trong thuật ngữ là từ đơn, là từ hoặc kết hợp từ trong thuật ngữ là từ ghép hoặc cụm từ. Về mặt ngữ nghĩa, mỗi yếu tố thuật ngữ tương ứng với một khái niệm hay một đặc trưng của khái niệm trong lĩnh vực luật hình sự tiếng Anh. Cho nên, về cấu trúc, yếu tố cấu tạo thuật ngữ có thể gồm hai loại, một loại được cấu tạo là hình vị trong các thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là từ, một loại là từ trong thuật ngữ có cấu tạo là cụm từ. Như vậy yếu tố thuật ngữ theo quan điểm của các nhà khoa học Xô viết rất chú trọng đến mặt nội dung của chúng, cho nên sẽ thích hợp hơn trong việc phân tích cấu tạo thuật ngữ nói chung và thuật ngữ luật hình sự nói riêng. Vì vậy, trong nghiên cứu này, chúng tôi tiếp thu quan điểm của các nhà nghiên cứu Nga gọi đơn vị cấu tạo thuật ngữ là yếu tố thuật ngữ để phân tích cấu tạo thuật ngữ luật hình sự trong tiếng Anh: yếu tố cấu tạo thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là hình vị trong thuật ngữ là một từ, là từ hoàn chỉnh (thậm chí là tổ hợp từ) trong thuật ngữ là cụm từ. Thuật ngữ có thể gồm một hay một số yếu tố thuật ngữ, mỗi yếu tố thuật ngữ tương ứng với một khái niệm hay với một đặc trưng của khái niệm trong lĩnh vực luật hình sự.

Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy về mặt đặc điểm cấu tạo thuật ngữ, yếu tố trung tâm có quan hệ ngữ nghĩa với các yếu tố phụ bổ nghĩa cho nó. Các yếu tố này có quan hệ với nhau theo cấu trúc tầng bậc. Do đó, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích thành tố và sơ đồ chức năng để miêu tả mô hình cấu tạo của thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 1.466 thuật ngữ luật hình sự có từ 02 yếu tố cấu tạo trở lên, trong đó có 715 thuật ngữ là từ và 751 thuật ngữ là ngữ. Các yếu tố cấu tạo thuật ngữ lần lượt được kí hiệu là TT1, TT2, TT3,... TTn.

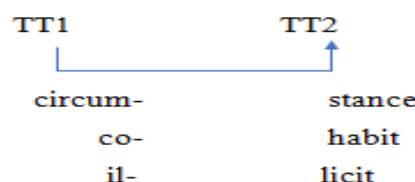
Kết quả nghiên cứu cho nhiều mô hình cấu tạo thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh khác nhau. Tuy nhiên, nhiều mô hình có sức sản sinh thấp, chỉ có 1 hoặc 2 thuật ngữ. Vì thế, chúng tôi chỉ tập trung vào các mô hình có sức sản sinh cao có từ 5 thuật ngữ trở lên bởi vì những mô hình tạo ra nhiều thuật ngữ thì càng có ý nghĩa quan trọng trong công tác nghiên cứu và xây dựng thuật ngữ.

## **2. Mô hình cấu tạo thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là từ**

### **2.1. Thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là từ phái sinh**

Trong số 715 thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là từ thu thập được qua khảo sát, có 656 thuật ngữ là từ phái sinh, chúng tôi ghi nhận các thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là từ phái sinh thuộc về 4 mô hình cấu tạo được đề cập dưới đây. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, chúng tôi chỉ trình bày 3 mô hình cấu tạo có sức sản sinh cao từ 5 thuật ngữ trở lên. Cụ thể như sau:

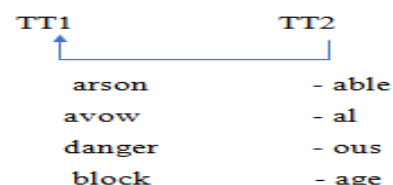
- Mô hình cấu tạo 1:



Kết quả khảo sát cho thấy, 82/656 thuật ngữ có cấu tạo theo mô hình này, chiếm 12,5%.

Mô hình này có cấu trúc yếu tố đứng trước TT1 là yếu tố phụ bổ nghĩa cho yếu tố chính đứng sau là TT2. Ví dụ: *circumstance* (hoàn cảnh), *cohabit* (sống chung như vợ chồng), *illicit* (lậu). Các yếu tố phụ (tiền tố) *circum-*, *co-*, *il-* là các yếu tố phụ, kết hợp với các yếu tố chính (gốc từ) lần lượt là *stance*, *habit* và *licit*.

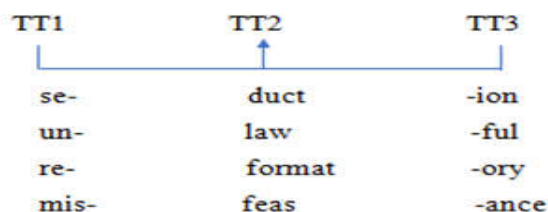
- Mô hình cấu tạo 2:



Mô hình cấu tạo 2 ngược lại với Mô hình cấu tạo 1 về vị trí của các yếu tố thuật ngữ. Trong đó, yếu tố chính là TT1 đứng trước, yếu tố phụ TT2 đứng sau bổ nghĩa cho yếu tố chính. Mô hình này thường gặp ở các từ phái sinh có phương thức phụ gia là hậu tố.

Có 439/656 thuật ngữ thuộc mô hình này, chiếm 66,92%. Ví dụ, các thuật ngữ *arsonable* (có thể gây hoả hoạn), *avowal* (việc tuyên bố), *blockage* (phong tỏa), *dangerous* (nguy hiểm) có yếu tố chính TT1 (gốc từ) lần lượt là *arson*, *avow*, *block*, *danger* và có các yếu tố phụ (hậu tố) TT2 là *-able*, *-al*, *-ous*, *-age*.

- Mô hình cấu tạo 3:



Với mô hình này, hai yếu tố phụ TT1 và TT3 cùng bổ nghĩa cho yếu tố chính là TT2. Mô hình này thường gặp với các thuật ngữ là từ phái sinh được cấu tạo bởi tiền tố và hậu tố.

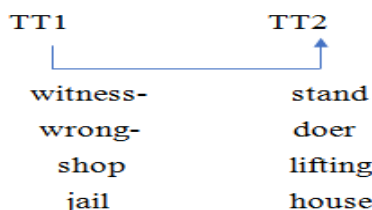
Từ liệu khảo sát ghi nhận 135 thuật ngữ có mô hình cấu tạo trên, chiếm 20,58%. Ví dụ: *seduction* (việc dụ dỗ), *unlawful* (trái pháp luật), *reformatory* (nhà trừng giới), *misfeasance* (sự lạm quyền), v.v. Trong các ví dụ này, các tiền tố *se-*, *un-*, *re-*, *mis-* và các hậu tố *-ion*, *-ful*, *-ory*, *-ance* lần lượt bổ nghĩa cho các căn tố là *duct*, *law*, *format* và *feas*.

Như vậy, trong các mô hình cấu tạo thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là từ có sức sản sinh cao thì mô hình 2 là mô hình phổ biến nhất, có tần suất cao vượt trội so với các mô hình còn lại. Đây là mô hình cấu tạo của các thuật ngữ là từ phái sinh có phương thức phụ gia hậu tố. Điều này hoàn toàn phù hợp với số lượng các thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là từ phái sinh có hình vị là hậu tố khi xét về phương thức cấu tạo đã đề cập ở phần trên.

## 2.2. Thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là từ ghép

Như đã trình bày ở trên, 59/1.005 thuật ngữ là từ ghép, có thể là danh từ ghép hoặc động từ ghép. Kết quả khảo sát ghi nhận có 47/59 thuật ngữ là từ ghép có mô hình cấu tạo sau đây:

- Mô hình cấu tạo 4:



Theo mô hình này, thuật ngữ được cấu tạo bởi 2 yếu tố, trong đó yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau, yếu tố phụ TT2 bổ nghĩa cho yếu tố chính và có chức năng khu biệt nghĩa cho yếu tố chính.

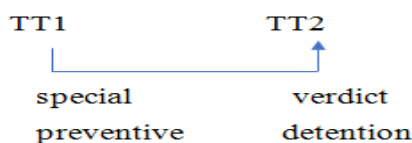
Ví dụ, trong các thuật ngữ *witness-stand* (ghế nhân chứng), *wrongdoer* (người gây hư hại), *shoplifting* (vụ trộm cắp ở cửa hàng), *jailhouse* (nhà tù), các yếu tố phụ là *witness-*, *wrong-*, *shop*, *jail* lần lượt thực hiện chức năng khu biệt nghĩa cho các yếu tố chính là *stand*, *doer*, *lifting* và *house*. Các yếu tố chính chỉ các từ khái niệm của thuật ngữ.

Các ví dụ tương tự có cùng mô hình cấu tạo này là *joyrider* (người lấy trộm xe để đi chơi), *jailbreaker* (tù vượt ngục), *gunman* (tội phạm có vũ trang), *deathsmen* (đạo phủ), v.v.

### 3. Mô hình cấu tạo thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là ngữ

Kết quả khảo sát 751 thuật ngữ là ngữ có 2 yếu tố cấu tạo trở lên, chúng tôi thu được 13 mô hình cấu tạo. Tuy nhiên chỉ có 5 mô hình cấu tạo có sức sản sinh cao từ 5 thuật ngữ trở lên. Các mô hình cụ thể sẽ được trình bày dưới đây:

- Mô hình cấu tạo 5:

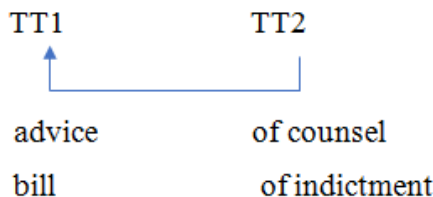


Mô hình cấu tạo 5 có cấu trúc yếu tố đứng sau TT2 là yếu tố chính, yếu tố đứng trước TT1 bổ nghĩa cho yếu tố chính. Các yếu tố TT1 là các yếu tố phụ chỉ đặc điểm, bản chất, được chọn làm cơ sở định danh khái niệm, cụ thể hóa ý nghĩa cho yếu tố chính TT2.

Theo mô hình này có 606/751 thuật ngữ, chiếm 80,69%. Ví dụ: *special verdict* (phán quyết riêng biệt), trong thuật ngữ này yếu tố TT1 *special* (đặc biệt, riêng biệt) bổ sung nghĩa cho yếu tố chính TT2 là *verdict* (phán quyết). Hoặc với thuật ngữ *preventive detention* (giám giữ phòng ngừa), yếu tố TT1 *preventive* (có tính phòng ngừa) bổ nghĩa cho yếu tố chính TT2 *detention* (việc giam giữ).

Có thể tìm thấy nhiều thuật ngữ khác có cấu tạo ở mô hình trên như *absolute privilege* (đặc quyền tuyệt đối), *accidental killing* (vụ ngộ sát), *adult offender* (tội phạm trưởng thành), *aggravating circumstance* (tình tiết tăng nặng), *arrest warrant* (lệnh bắt giữ), v.v.

- Mô hình cấu tạo 6:

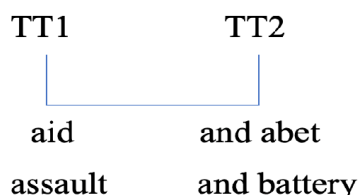


Mô hình cấu tạo 6 có sự khác biệt rõ rệt so với mô hình cấu tạo 5, ở mô hình này, yếu tố thứ 2 TT2 là yếu tố phụ, bổ trợ ý nghĩa cho yếu tố chính là yếu tố thứ nhất TT1. Mô hình này thường gặp ở các thuật ngữ có 2 yếu tố trong đó yếu tố thứ 2 thường có chứa giới từ hoặc liên từ đi kèm. Có 107/751 thuật ngữ, chiếm 14,25%.

Ví dụ trong thuật ngữ *advice of counsel* (ý kiến người bào chữa) thì yếu tố thứ 2 TT2 là *of counsel* có vai trò bổ nghĩa, khu biệt nghĩa cho yếu tố thứ nhất TT1 là *advice*. Thuật ngữ *bill of indictment* (dự thảo bản cáo trạng) có yếu tố phụ thứ 2 TT2 là *of indictment* khu biệt nghĩa cho yếu tố chính thứ nhất TT1 là *bill*.

Một số ví dụ khác có thể kể đến như *age of reason* (tuổi đủ nhận thức), *age of consent* (tuổi kết hôn), *advice of counsel* (ý kiến người bào chữa), v.v.

- Mô hình cấu tạo 7:

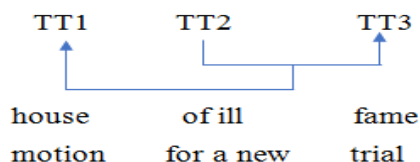


Theo mô hình này thì hai yếu tố TT1 và TT2 có sự tác động, bổ trợ lẫn nhau. Nghĩa của thuật ngữ sẽ là nghĩa của cả hai yếu tố cấu tạo. Hai yếu tố cấu tạo theo mô hình này thường liên kết với nhau bằng liên từ “and”. Trong số 751 thuật ngữ được khảo sát, chúng tôi thấy có 7 thuật ngữ có cấu tạo theo mô hình trên (chiếm 0,93%).

Ví dụ: thuật ngữ *aid and abet* (tiếp tay và xúi giục) có 2 yếu tố là *aid* (tiếp tay, hỗ trợ) và *abet* (xúi giục), như vậy nghĩa của thuật ngữ *aid and abet* chính là nghĩa của 2 yếu tố gộp lại.

Một ví dụ khác là thuật ngữ *assault and battery*, trong đó *assault* (tấn công), *battery* (hành hung), nghĩa của thuật ngữ này là hành hung gây thương tích. Một vài ví dụ điển hình của mô hình này là *aid and comfort* (giúp đỡ và ủng hộ), *stop and frisk* (chặn lại để khám xét), v.v.

- Mô hình cấu tạo 8:



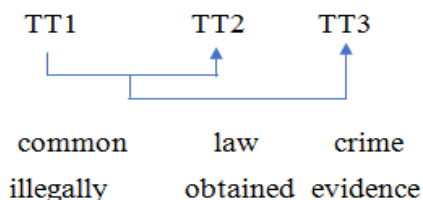
Có 11/751 thuật ngữ có cấu tạo theo mô hình trên, chiếm 1,46%. Theo đó, TT2 bổ nghĩa cho TT3 và cả TT2TT3 bổ nghĩa cho TT1.

Ví dụ: thuật ngữ *house of ill fame* (ô tặc nạn), TT2 *ill* (ốm, xấu) phụ cho TT3 *fame* (sự nổi tiếng), cả TT2TT3 *ill fame* bổ trợ cho TT1 *house* (ngôi nhà) tạo thành thuật ngữ *house of ill fame*.

Tương tự như vậy với thuật ngữ *motion for a new trial* (đơn xin xử lại vụ án) trong đó bậc 1 là TT2 (*new*) bổ trợ cho TT3 (*trial*), ở bậc 2 cả hai TT2TT3 (*new trial*) phụ cho TT1 (*motion*) để tạo thành thuật ngữ *motion for a new trial*.

Một số thuật ngữ có cấu tạo tương tự như *principal in the second degree* (kẻ đồng lõa), *court of Criminal Appeals* (tòa đại hình), *writ of habeas corpus* (lệnh định quyền giam giữ), v.v.

- Mô hình cấu tạo 9:



Mô hình cấu tạo 2 bậc này có 6/747 thuật ngữ, chiếm 0,80%. Ở bậc 1, TT1 bổ trợ TT2, ở bậc 2 TT1TT2 phụ cho TT3. Ví dụ: với 2 thuật ngữ *common law crime* (phạm tội theo thông pháp) và

*illegal obtained evidence* (chứng cứ thu thập được bằng cách trái phép), ở bậc 1 TT1 lần lượt là *common* (thông thường) và *illegally* (trái phép) phụ cho TT2 lần lượt là *law* (luật pháp) và *obtained* (đạt được). Ở bậc 2 cả TT1TT2 phụ cho TT3 lần lượt là *crime* (tội phạm) và *evidence* (chứng cứ).

Một số thuật ngữ khác có cùng kiểu cấu tạo này là *prima facie evidence* (chứng cứ ban đầu), *newly discovered evidence* (chứng cứ mới được phát hiện), *lesser included offence* (hành vi phạm tội ít nguy hiểm), v.v.

Như vậy, mô hình cấu tạo thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh là ngữ khá đa dạng, có loại cấu tạo 1 bậc, có loại cấu tạo 2 bậc. Số lượng thuật ngữ tập trung nhiều ở mô hình có cấu tạo yếu tố thứ nhất bổ trợ, khu biệt nghĩa cho yếu tố thứ 2. Có một số mô hình có cấu tạo hơn 2 bậc, tuy nhiên do có sức sản sinh thấp, dưới 5 thuật ngữ, có nhiều mô hình chỉ có 1 đến 2 thuật ngữ, nên chúng tôi không đưa vào phân tích.

#### 4. Kết luận

Chúng tôi trình bày những mô hình cấu tạo mà thuật ngữ có sức sản sinh cao (có ít nhất 5 thuật ngữ) để phục vụ hiệu quả cho hướng nghiên cứu trong khuôn khổ bài báo này. Tư liệu khảo sát cho thấy thuật ngữ là từ có 4 mô hình cấu tạo và thuật ngữ là ngữ có 5 mô hình cấu tạo đáp ứng tiêu chí đề ra. Đối với thuật ngữ là từ thì mô hình cấu tạo có 1 yếu tố phụ đứng sau bổ nghĩa cho yếu tố chính đứng trước chiếm số lượng nhiều nhất thì với các thuật ngữ là ngữ lại ngược lại: mô hình cấu tạo có 1 yếu tố phụ đứng trước bổ nghĩa, khu biệt nghĩa cho 1 yếu tố chính đứng sau lại là mô hình có số lượng thuật ngữ nhiều nhất. Điểm này hoàn toàn hợp lý vì đối với thuật ngữ là từ, số lượng từ phái sinh có phương thức phụ gia hậu tố chiếm tỉ lệ cao nhất, còn trong thuật ngữ là ngữ thì tổ hợp tính từ + danh từ có số lượng nhiều nhất xét về phương thức cấu tạo. Điểm khác biệt giữa thuật ngữ là từ và thuật ngữ là ngữ là mô hình cấu tạo hai bậc hoặc nhiều hơn hai bậc xuất hiện khi phân tích mô hình cấu tạo thuật ngữ là ngữ, thuật ngữ là từ chỉ có mô hình 1 bậc.

Việc nghiên cứu, phân tích đặc điểm cấu tạo của thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh nói chung và nghiên cứu sâu về mô hình cấu tạo thuật ngữ luật hình sự tiếng Anh nói riêng có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu thuật ngữ và đặc biệt phục vụ việc đánh giá chuyển dịch thuật ngữ từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (2005), *Đỗ Hữu Châu tuyển tập - Tập 1 - Từ vựng ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Danilenko V.P. (1978), *Về biến thể ngắn của thuật ngữ: Vấn đề đồng nghĩa trong thuật ngữ*, (Lê Xuân Thái dịch), Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
3. Vũ Trọng Hùng và cộng sự, (2000), *Từ điển pháp luật Anh - Việt*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
4. Nguyễn Thế Kỳ và cộng sự, (1992), *Từ điển pháp luật Anh - Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Lotte D.S. (1978), *Nguyên lý xây dựng hệ thuật ngữ khoa học kỹ thuật*, (Hoàng Lộc dịch), Viện ngôn ngữ học, Hà Nội.

##### Tiếng Nga

6. В.М. Лейчик (2009), *Терминоведение - Предмет, методы, структура*, Книжный дом "ЛИБРОКОМ", Москва.

#### Formation models of English criminal law terms (basing on English-Vietnamese Law Dictionaries)

**Abstract:** The article focuses on studying and clarifying the formation models of English criminal law terms which are collected in English-Vietnamese law dictionaries. The results of the study help readers have a deeper understanding of the issue mentioned above and contribute to the study of terminology and the translation of English terms into Vietnamese.

**Key words:** terminology; formation model; criminal law; element; dictionary.